

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày 08/8/2020

V/v “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh
toán theo hợp đồng mua bán*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn;

2. Bà Lê Thị Bích Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2020/TLST-DS ngày 04/5/2020 về việc “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-DS ngày 20/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-DS ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Y, sinh năm: 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi

- Bị đơn: Ông Võ Thành L, sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2020; bản tự khai ngày 04/5/2020, ngày 01/7/2020 nguyên đơn bà Võ Thị Y trình bày:

Từ năm 2016 đến năm 2018, nguyên đơn và bị đơn có mua bán thức ăn chăn nuôi. Đến ngày 31/12/2018, ông L còn nợ bà số tiền 42.775.000đ (Bốn mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Vào ngày 25/12/2017 âm lịch, ông L có trả cho bà 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Sau đó ông không trả nợ cho bà nữa.

Nay, bà Võ Thị Y yêu cầu tòa án buộc ông Võ Thành L thanh toán cho bà số tiền nợ mua thức ăn gia súc (cám) là 37.775.000đ (Ba mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); không có yêu cầu về lãi suất.

Bản tự khai ngày 20/7/2020, bị đơn ông Võ Thành L trình bày:

Ông đã nhận được thông báo của Tòa án về việc bà Y khởi kiện yêu cầu ông trả số nợ tiền thức ăn chăn nuôi. Ông đồng ý trả cho bà là 37.775.000đ (Ba mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Đây là số nợ cá nhân ông nhưng hiện tại ông chưa có khả năng trả một lúc, ông sẽ trả dần.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280 Bộ luật dân sự 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 37.775.000đ (Ba mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện, xét xử vắng mặt đương sự

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền còn nợ khi mua thức ăn gia súc nên xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn ông Võ Thành L có nơi cư trú tại huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xét xử vắng mặt bị đơn: Ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; nguyên đơn bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về thời hiệu khởi kiện: Trong quá trình tố tụng vụ án, các đương sự không thực hiện quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu, căn cứ khoản 2 Điều 184 BLTTDS Hội đồng xét xử không nhận định về thời hiệu.

[2] Về nội dung

Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 12/7/2019 tại Công an xã N, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn (tại bản tự khai ngày 20/7/2020), căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 274, Điều 280 Bộ luật dân sự 2015; Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Y buộc ông Võ Thành L trả cho bà Võ Thị Y số tiền 37.775.000đ (Ba mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không nhận định.

[3] Về án phí dân sự: Vụ án được xét xử theo thủ tục chung, căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Võ Thành L phải chịu $37.775.000đ \times 5\% = 1.888.750đ$ (Một triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Võ Thị Yến.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên ghi nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 273, Điều 280 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Y, buộc ông Võ Thành L phải trả cho bà Võ Thị Y số tiền 37.775.000đ (Ba mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Ông Võ Thành L phải nộp 1.888.750đ (Một triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Y số tiền tạm ứng án phí 944.000đ (Chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) bà Yến đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2018/0002278 ngày 4 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN.

3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì

hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bà Võ Thị Y, ông Võ Thành L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Hòa